

Cấp chỉ huy VNCH vào tháng 4.75, theo hồi ức một người Mỹ
Phạm Phong Dinh

Đa số sách báo Mỹ viết về chiến tranh Việt Nam không tường thuật nhiều về những ngày, những giờ phút cuối cùng của Miền Nam một cách chính xác. Điều dễ hiểu là, những người Mỹ làm việc tại Miền Nam đã được di tản nhiều ngày trước khi quân đội Bắc Việt vào Sài Gòn, nên những chi tiết về giờ thứ 25 rất ít được ghi nhận. Tuy nhiên, cũng có vài tác phẩm viết lại những sự việc xảy ra những ngày cuối tháng Tư, như cuốn *Goodnight Saigon* của Charles Henderson, *Decent Interval* của Frank Snepp, hay cuốn *Last Man Out* của James E. Parker.

Tác phẩm *Goodnight Saigon* (Giã Biệt Saigon) nghiêng nhiều về tường thuật những diễn biến quân sự từ những thảm họa trên cao nguyên và ngoài Quân Khu 1, đến những ngày hấp hối của Sài Gòn, những xao động của dân chúng. Một vài câu chuyện về những nhân vật dân sự như nhà văn Mai Thảo, diễn viên Kiều Chinh. Trong cuốn *Decent Interval* (Khoảng Thời Gian Coi Được), tác giả Frank Snepp chú trọng nhiều về những diễn biến và xáo trộn chánh trị ở Hoa Kỳ và Miền Nam. Đặc biệt ông tường thuật cuộc ra đi trong đêm 25.4.1975 của Tổng Thống Thiệu và Thủ Tướng Khiêm.

Cái tựa đề đã nói thay cho chánh sách của chánh quyền Hoa Kỳ, hay nói chính xác, là công việc để đời của ông Henry Kissinger, khi ông này tiên liệu sau Hiệp Định Ba Lê thì Việt Nam Cộng Hòa chỉ còn sống sót được chừng một năm rưỡi nữa là cùng. Đó là khoảng thời gian coi được cho một cái chết từ từ, nếu chết nhanh quá thì coi cũng... kỳ. T

uần lễ cuối của tháng Tư, khi Tổng Thống Thiệu đã ra đi, thì ông Henry đã sót ruột hỏi nhau với những cộng sự, rằng không biết giờ này VNCH đã chết chưa. Ở con người Kissinger tương phản hai thái cực kỳ dị. Khi còn trong cuộc hòa đàm thì ông ta nhũn nhặn chịu đựng Hà Nội đủ mọi thứ, đến đổi Tổng Thống Thiệu đã bực tức hỏi thẳng ông Phó Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn khi ông ta nài nỉ Tổng Thống Thiệu chịu ký Hiệp Định: “Các ông đại diện cho người Mỹ hay đại diện cho Bắc Việt”.

Bằng mọi giá, ông Kissinger phải ký cho được Hiệp Định Ngừng Bán Ba Lê, đưa tù binh Mỹ về nước, và chấm hết. Nhưng khi Bắc Việt ngổ ngáo vi phạm hiệp định, tái phát chiến tranh, thì ông lại bênh vực VNCH và đòi trừng phạt Hà Nội. Chẳng biết là ông diễn tuồng, điều mà ông gọi là lương tâm của nước Mỹ, hay là thật lòng. Những dấu sao thì quốc hội Mỹ cũng đã quyết định thay giùm ông, rằng VNCH phải chết.

Tác phẩm *Last Man Out* (Người Cuối Cùng Ra Đi) của James E. Parker là hồi ức về những ngày công tác tại Việt Nam trong cương vị của một nhân viên CIA có trách nhiệm liên lạc và thu thập tin tức quân sự với những cấp chỉ huy của QLVNCH, rồi tổng hợp làm phúc trình cho cơ quan CIA tại Sài Gòn.

Ông Parker đang làm việc ở chi nhánh CIA Cần Thơ, thì ông nhận lệnh chuyển về Vị Thanh, tỉnh lỵ của tỉnh Chương Thiện. Đối với người Việt Nam, thì Chương Thiện là một địa danh ít người muốn đến, còn theo Parker thì bên ngoài tỉnh lỵ bước ra mấy bước là đã ngửi thấy mùi Việt Cộng. Nên bất cứ người Mỹ nào về làm việc ở đây đều được đồng nghiệp gọi tên giễu (nickname) là *Dead Man* (Người Chết).

Tuy vậy khi về Vị Thanh, Parker nhận ra rằng Việt Cộng chẳng bao giờ muốn làm phiền ông ta, ông được an toàn. Từ đây Parker suy luận rằng, chúng chẳng muốn khiêu khích Hoa Kỳ bằng cách giết một CIA Mỹ trong những khoảnh khắc cuối cùng của cuộc chiến, chẳng có lợi gì mà có khi còn làm cho anh Mỹ nổi giận quay trở lại thì khôn. Cứ để cho những người Mỹ tà tà làm việc cho đến ngày họ cuốn gói ra khỏi Việt Nam, bởi ngày ấy chẳng còn lâu la gì.

Công tác ở Miền Tây, là nhân viên đại diện cho CIA Cần Thơ, Parker có dịp tiếp xúc với những vị chỉ huy cao cấp của vùng châu thổ Cửu Long, những nhân vật đầy huyền thoại: Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Chuẩn Tướng Trần Văn Hai và Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn.

Đặc biệt, trong những ngày cuối cùng của tháng Tư, chiếc trực thăng của Parker gần như hàng ngày đáp xuống Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh của Chuẩn Tướng Hai để nghe ông trình bày quân tình, dân tình lúc ấy, rồi sau này nhiều người đã ngỡ rằng người Mỹ đến mời Chuẩn Tướng Hai ra đi.

Nhưng nếu người Mỹ thực sự có ý định đưa Chuẩn Tướng Hai đi, thì ông cũng sẽ khảng khái từ chối, như Tổng Thống Trần Văn Hương từ chối các ông Đại Sứ Mỹ Martin và Đại Sứ Pháp Mérillon, thê ở lại chia sẻ hoạn nạn với chiến sĩ và đồng bào của ông. Hay Thiếu Tướng Lê Minh Đảo từ chối sự mời mọc của người Mỹ, ông thê ở lại cùng sống chết với chiến hữu của ông.



Từ trái : Ch/Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh/SĐ 21BB. Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Tỉnh Trưởng Chương Thiện. Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, TL/SĐ 7BB.

James Parker đã dành nhiều trang kể lại những cuộc tiếp xúc với những vị chỉ huy cao cấp của quân đội Việt Nam, cuộc gặp đầu tiên là với Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, lúc ấy ông đang là Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh, bản doanh sư đoàn đặt tại Vị Thanh, kính mời quý độc giả cùng theo dõi (chủ thích trong ngoặc là của chúng tôi):

Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh, tiếp đón chúng tôi rất niềm nở. Ông Tướng nói tiếng Anh hơi chậm nhưng phát âm rõ ràng, cho biết sư đoàn của ông có trách nhiệm bảo vệ vùng hạ châu thổ. Sư Đoàn trong thế bị áp đảo về quân số nhưng ông đã làm tất cả những gì có thể, ông chọn lựa mục tiêu. Ông không muốn tấn công vào những điểm kiên cố của quân cộng, bởi ông nghĩ rằng ông sẽ bị tổn thất nhân mạng nhanh chóng. Vì ông đang ở trong một cuộc chiến quá lâu

dài, ông phải bảo vệ nhân lực và nguồn tiếp liệu của ông. Ông nói với tôi rằng ông không thể xoay chuyển cục diện ở đây, nếu ông muốn tạo một chiến thắng thì quân Bắc Việt chắc chắn sẽ đưa nhiều quân đến nữa. Tôi hỏi ông:

-Tại sao chiến đấu một cuộc chiến đang thấy thua rõ?

Ông Tướng hỏi vặn lại, rồi mỉm cười:

-Tôi còn có sự chọn lựa gì nữa không? Nhưng đây là đất nước của chúng tôi. Vị Thanh là nơi hiểm nghèo nhất ở Miền Nam, không có lý lẽ nào để nuôi hy vọng ở đây. Quân địch đầy dẫy chung quanh thành phố. Tại sao lại mạo hiểm để cho những người Mỹ bị địch cầm giữ trong giờ thứ mười một này. Những tháng sau, tôi làm việc nhiều thời gian trong Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 21, thu thập tin tức trong vùng hạ châu thổ, cuối cùng tôi được cho phép thường xuyên tiếp xúc với Phòng 2 và Phòng 3 Sư Đoàn.

Trong lúc đó thì Tướng Hưng có mặt hầu hết ngoài mặt trận. Chiếc trực thăng chỉ huy của ông cất cánh mỗi buổi sáng sớm đưa ông đến những địa điểm xa xôi nhất để ông có thể thăm hỏi những cấp chỉ huy. Tôi chỉ gặp ông hầu như vào lúc ban đêm, lúc thì dùng bữa tối, lúc thì uống với nhau. thỉnh thoảng thì tôi cũng gặp ông Tướng vào lúc ban ngày trong văn phòng của ông. Thời gian dần trôi, thì cuộc gặp gỡ của chúng tôi trở nên thoải mái nhiều, chúng tôi thích thú sự hiện diện của nhau.

Terry (nhân viên CIA mà Parker đến thay thế) giới thiệu tôi với vị Tỉnh Trưởng, Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn. Ông Đại Tá được tuyên dương là Chiến Sĩ Xuất Sắc Của Năm (1972), trước khi ông đến nhậm chức ở Chương Thiện, một vinh dự gặt hái được từ chiến công anh hùng của ông chống quân Bắc Việt ở An Lộc. Ông đã bị thương rất nặng, mất một phần mặt của ông.

Khi tôi gặp ông, thì phần bị mất ấy đã được chữa trị bằng phẫu thuật, từ cái nhìn đầu tiên thì tôi đã có thể nhận ra một vết sẹo dài chạy dọc theo bên hàm. Đại Tá Cẩn có một quan niệm rất tích cực về chiến tranh, dù cảnh quan buồn tẻ ở Vị Thanh. Ông đúng là người lính của những người lính, dũng cảm và thanh liêm. Ban đêm ông thường đi xuống đến những đồn bót xa xôi nhất để phát lương cho binh sĩ. Ông nói rằng ông có dưới tay nhiều chiến sĩ giỏi mà có thể chiến đấu chống cộng sản đến khi họ chết hoặc là đất nước được thanh bình.

Những buổi tối của tôi với Chuẩn Tướng Hưng càng lúc càng thân tình. Ông thường hỏi thăm về gia đình tôi, về Hoa Kỳ cùng những gì đang xảy ra bên ấy. Ông rất quan tâm đến văn học Mỹ nên tôi thường có dịp nói về các tác giả Hoa Kỳ và tác phẩm của họ. Mặc dù tôi thường đọc hai, ba cuốn sách mỗi tuần ở Vị Thanh, nhưng tôi lại chưa đọc những cuốn mà Tướng Hưng hỏi tôi. Về phần ông, thì ông nói về lịch sử và chuyện chiến tranh ở Đông Dương. Ông thường nói chuyện một cách có cân nhắc và chậm rãi, hay mỉm cười dù đang đề cập đến những sự việc nghiêm trọng. Từ ông toát ra một vẻ rất tự tin và ánh lên sự trầm tĩnh.

Trong tháng 2 (1975), cấp chỉ huy ở Cần Thơ và Sài Gòn thúc giục, Tướng Hưng cho quân tấn công một đơn vị lớn Bắc Việt về phía Đông Chương Thiện thuộc rừng U Minh, là một khu vực cộng quân chiếm đóng từ lâu. Cuộc tấn công này là chiến dịch lớn nhất từ lúc tôi về tỉnh Chương Thiện. Ông Tướng sử dụng tất cả nguồn yểm trợ của Không Quân mà ông có.

Mặc dù ông sở hữu nhiều khẩu đại bác do quân đội Mỹ để lại, ông lại có khó khăn khi di chuyển chúng vì sự hạn chế phi vụ chuyển vận. Ông cũng thiếu thốn những tiếp liệu cần thiết và đầy đủ để trang bị cho lực lượng tấn công. Thí dụ, ông có rất nhiều mìn claymore nhưng thiếu ngòi nổ, đạn pháo binh cũng thế, có nhiều nhưng rỉ sét. Do vậy, sư đoàn chịu nhiều thiệt hại. Chiến sĩ của ông chiến đấu rất dũng cảm. Tôi hiểu nỗi đau đớn của ông Tướng, và tôi hiểu niềm tự hào của ông đối với những người lính ấy, dù bị thương vong rất nhiều nhưng họ vẫn tiếp tục tiến tới.

Khi trận chiến tàn, quân Bắc Việt bị đẩy lùi vào rừng U Minh, Tướng Hưng vẫn không chắc rằng ông đã thực sự chiếm thượng phong. Ông đã dùng quá nhiều nguồn tiếp liệu mà ông có. Cho cái gì mới được? Mấy ngày sau, một thứ mùi kinh khủng tuôn vào chỗ tôi cư ngụ. Tôi đã từng nghĩ thấy mùi này, đó là mùi của thịt thối, của người chết.

Một thông dịch viên cho tôi biết nhà xác sư đoàn nằm giữa khu tôi ở và cô nhi viện tỉnh. Những xác tử sĩ nằm chờ được chôn đi. Phương tiện chuyên chở đã hiếm hoi mà phòng lạnh cũng không. Một số xác được lấy về từ khu vực chiếm đóng của cộng quân. Dầu sao thì khi tôi muốn chạy xa khỏi khu nhà ở, thì ông Tướng đã xoay sở phương tiện đưa xác tử sĩ đi trong tuần.

Tháng sau (10.3.1975), Ban Mê Thuột thất thủ, Bộ Tư Lệnh Tối Cao ở Sài Gòn tái phối trí lực lượng để bảo vệ phần còn lại của Miền Nam. Sư Đoàn của Chuẩn Tướng Hưng di chuyển về bảo vệ khu vực phía Bắc Cần Thơ, ông Tướng được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Phó khu vực phía Nam Sài Gòn (Quân Khu 4).

Ngày 20.3.1975, Huế thất thủ. (*)

Ngày 30.3.1975, Đà Nẵng mất. (*)

Ở Cần Thơ, Tướng Hưng làm việc với Jim D. (xếp CIA Cần Thơ) và những sĩ quan liên lạc quân sự, nhưng ông tỏ ra thích làm việc với tôi ngay lần đầu gặp gỡ hơn là với những người sĩ quan này. Jim D. bảo tôi lên Cần Thơ thường xuyên hơn để làm việc với ông Tướng. Tôi có kế hoạch trở lại Vị Thanh mỗi tuần hay mỗi hai tuần để coi lại khu vực trú ngụ và nghe thuyết trình quân tình từ Đại Tá Mạch Văn Trường, Tân Tư Lệnh Sư Đoàn 21 đang chỉ huy những đơn vị còn lại ở đây (Một ngày trước khi ra đi, ngày 24.4.1975, Tổng Thống Thiệu ký nghị định đặc cách thăng Chuẩn Tướng cho Đại Tá Trường. Ông là vị Tướng được thăng chức sau cùng nhất của cuộc chiến).

Khu vực càng lúc càng thu hút sự quan tâm là con [đường Quốc Lộ 4](#) chạy dài theo hướng Tây và Tây Nam từ Sài Gòn, phía Bắc sông Bassac (tức sông Hậu Giang), rồi đổ vào vùng châu thổ. Các đơn vị của Sư Đoàn 7 Bộ Binh chịu trách nhiệm bảo vệ quốc lộ, Chuẩn Tướng Hưng sắp xếp cho tôi được nghe thuyết trình từ Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh.

Tướng Hưng cho biết ông từng phục vụ trong sư đoàn lúc còn trẻ. Ông có vấn đề sư đoàn lúc đó là con người đầy huyền thoại Trung Tá John Paul Vann, một nhân vật đầy quyền lực đối với quân đội Nam Việt Nam. Cuối cùng thì ông đã chết (trong một tai nạn trực thăng ở Kontum, tháng 6.1972).

Tôi đáp trực thăng đến Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh và diện kiến Chuẩn Tướng Hai trong văn phòng của ông. Ông Tướng đúng là một bản sao của một sĩ

quan Mỹ với bộ quân phục sạch thẳng nếp, tay áo xắn lên quá khuỷu tay. Ông Tướng nói tiếng Anh rất lưu loát (khi còn là Chi Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ, người ta luôn thấy trong tay Chuẩn Tướng Hai nếu không là một cuốn kinh Phật, thì cũng là một cuốn sách tự học Anh Văn. Thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông cũng đã từng được gọi đi thụ huấn khóa tham mưu ở Hoa Kỳ). Đôi mắt trên khuôn mặt đầy đặn của ông ánh vẻ nghiêm khắc và ông chẳng tỏ ra thân thiện. Tôi hỏi ông Tướng về tình hình.

-Anh muốn biết tin tức, anh nhân viên chánh phủ Hoa Kỳ, tôi muốn cơ phận cho trực thăng, tôi muốn đạn dược.

-Ngài đang nói chuyện với làm người rồi, điều ấy chẳng phải là công việc của tôi.

-Anh chính là Chánh phủ Hoa Kỳ. Chánh phủ Mỹ hứa luôn cung cấp tiếp liệu cho chúng tôi để chúng tôi có thể chiến đấu. Chúng tôi có thể làm được chuyện ấy, chúng tôi có thể tiếp tục chiến đấu, nếu chúng tôi có đạn và máy bay. Hãy nói lại với chánh phủ của anh điều đó rồi tôi sẽ nói anh nghe những gì đang xảy ra ở đây.

-Vâng, tôi sẽ báo cáo rằng quân đội đang thiếu hụt tiếp liệu.

Ông Tướng chăm chăm nhìn tôi một lúc lâu, cuối cùng ông nói:

-Người Mỹ các anh không thường giữ lời hứa với người Việt chúng tôi.

Ông Tướng tiếp tục nhìn tôi qua làn khói thuốc, chờ đợi phản ứng của tôi. Khi tôi không tỏ thái độ gì, ông nhún vai và bắt đầu thuyết trình. Ông cho biết binh sĩ của ông chiếm giữ những vị trí trên Quốc Lộ 4 và hành quân đến biên giới Kampuchea để bảo vệ vùng lãnh thổ dưới Sài Gòn. Khu vực này phân lớn là những cánh đồng ruộng trồng lúa.

Tinh thần binh sĩ rất cao, ông có thể ngăn chống lực lượng địch cấp sư đoàn của Bắc Việt trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên tinh thần binh sĩ có thể suy sụp nếu sư đoàn đối đầu với lực lượng địch lớn hơn và nếu đạn dược hao hụt. Ông tiên đoán rằng quân Bắc Việt sẽ tấn công sớm, mà ông thì không có tái tiếp tế. Sư đoàn ông đang trực diện với Sư Đoàn 9 Bắc Việt do Tướng Di Thiên Tích chỉ huy, mà đã chiến đấu trong khu vực này từ trước năm 1965.

-Tướng Tích có thể là tướng chỉ huy xuất sắc nhất mà Bắc Việt có. Anh có biết chiến hiệu (slogan) của sư đoàn ấy là gì không? Là “Quét Sạch Kẻ Thù”. Kẻ thù ấy là tôi.

Có nọc độc trong giọng nói của ông. Quân Lực VNCH đang sụp đổ ở phía Bắc, ông buồn phiền và cay đắng. Không giống như Tướng Hưng, Tướng Hai không triết lý cho tương lai. Ông giận dữ. Tôi đưa ý kiến rằng có thể có cuộc thương thuyết ngừng bắn mà từ đó bảo vệ được chủ quyền của chánh phủ Miền Nam. Ông Tướng nhìn tôi không nói, tôi không rõ ông đang nghĩ gì. Khi tôi trở về Cần Thơ, tôi báo cáo với Jim D. buổi gặp mặt ở Sư Đoàn 7 Bộ Binh, rồi kết thúc bằng sự việc ông Tướng muốn đạn dược và cơ phận. Jim D. nhú mày nhìn tôi:

-Đưa chuyện ấy vào báo cáo gửi cho Washington, và đừng nói với tôi nữa.

Tôi thường xuyên đến thăm Chuẩn Tướng Hai, Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh. Ông hiếm khi cười. Ông Tướng thường ngồi trên một cái ghế gỗ đằng sau bàn làm việc, ắn đằng sau khói thuốc khi tôi đến Bộ Tư Lệnh Tiên Phương gần biên giới Miên. Mỗi lần nói chuyện với nhau, thì ông Tướng thường gọi lại những điều mà ông cho là “Sự Can Thiệp Đầy May Rủi” của Quân Đội Hoa Kỳ.

Những điều ông nói, đại khái như:

-Giữa hai nền văn hóa có một sự khác biệt lớn lao, người Mỹ các anh luôn muốn chúng tôi suy nghĩ và hành động y hệt như các anh. Thực ra thì chúng tôi đâu có thích các anh hay chánh sách của các anh... Anh có nghe tôi không? Chúng tôi không thích các anh bảo chúng tôi phải làm gì. Nhưng chúng tôi cần sự giúp đỡ để tồn tại, và chúng tôi biết các anh có lợi thế nhìn chúng tôi sinh tồn. Nhưng không có nghĩa là các anh có quyền xía vào công việc và nền văn hóa của chúng tôi.

Tại sao các anh không đưa quân vô Kampuchea. Quân Bắc Việt đang ở đây đây, tại sao các anh thì không? Nếu các anh vượt đường xa đến đây để chặn đứng chủ nghĩa cộng sản, tại sao các anh không tiến vào đất Miên nơi có những căn cứ của cộng quân rồi đánh cho chúng tiêu tủng. Tại sao các anh không vào Lào? Tại sao các anh không dùng cơ giới nặng ủi sạch con đường Hồ Chí Minh ở đó. Tình hình quân sự ở đây rất đơn giản. Tại sao các anh hành động như những thằng khùng? Người Việt chúng tôi cho là các anh khùng. Anh nói gì về điều đó, anh CIA? Các anh ngáo làm việc cho một tổ chức ngáo.

Sau khi ông Tướng đã giảng thế nào là cách điều khiển chiến tranh, sau khi gọi tôi bằng đủ thứ danh xưng, lập đi lập lại những chuyện ấy, nổi giận lên, thì ông mới nói đến chuyện quân tình trong khu vực. Trong những lần tiếp xúc tại Bộ Tư Lệnh, dần dà giữa ông Tướng và tôi cảm thấy thoải mái với nhau hơn. Không thân thiết, nhưng thoải mái, chúng tôi biết vị trí của nhau. Có thể là do thời gian hai năm ở Lào tôi có nhiều bạn bản xứ, nhưng cũng có thể ông Tướng nhận biết được sự cảm thông và kính trọng của tôi đối với cảm niệm của ông về Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm ở thời điểm mà rất nhiều cấp chỉ huy khác chỉ nghĩ đến bản thân họ. Cũng có thể khi chúng tôi cảm thấy thoải mái vì tôi là người khách thường xuyên của sư đoàn.

Thượng Nghị Sĩ Frank Church phát biểu trong cuộc họp Thượng Viện ngày 10.4.1975, nói rằng thế là đủ rồi (enough is enough), Quân Đội Nam Việt Nam tự lo liệu lấy. Trong khi đó thì Hạ Viện cũng đã bác bỏ yêu cầu quân viện khẩn cấp 722 triệu mỹ kim và 250 triệu cho kinh tế của Tổng Thống Ford (con số này là do Tướng Weyand lập ra và đệ trình sau khi đi quan sát tình hình quân sự ở Việt Nam về. Còn con số 700 triệu cho tài khóa 1974-1975, rồi bị cắt xuống 300 triệu đã bị cắt bỏ tàn bạo từ lâu). Quốc Hội chỉ đồng ý cấp ngân khoản dùng cho việc di tản người Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Ngày hôm sau, trực thăng của Air America (có hợp đồng chuyên chở cho CIA) đưa tôi đến gặp Tướng Hai. Ông Tướng không đứng dậy chào khi tôi bước vào văn phòng. Rất bất ngờ như bước ra từ cõi sương mù, ông nói chậm rãi, hành động của chánh phủ tôi giống như cục phân, nghị sĩ Church xấu xa hơn Hitler, nước Mỹ không còn danh dự, quân đội nước tôi đã vi phạm quy luật hành xử chung của chiến sĩ khi quay lưng với chiến hữu và bỏ rơi họ trên chiến địa.

Ông Tướng đứng dậy và tiến đến gần tôi, đôi mắt ông đỏ hoe, bàn tay ông sờ vào báng súng lục, chăm chăm nhìn tôi không che dấu sự giận dữ từ thái độ của ông. Trong trạng thái căng thẳng đến điểm khó kiềm chế, những ngón tay của ông nắm chặt lấy báng súng. Khoảnh khắc ấy qua đi, ông thở dài:

-Tôi có thể giết anh nhân danh những con người dũng cảm đã hy sinh trong cuộc chiến này. Tôi có thể giết anh vì chánh phủ của anh đã không cố gắng chiến thắng.

Tôi đứng lặng thinh, run rẩy. Tôi nhỏ nhẹ nói:

-Chiến tranh đang tàn lụi, cuộc chiến đấu đã hoàn thành. Ngài phải chấp nhận những gì đã xảy ra, ngài phải chấp nhận số phận.

Chuẩn Tướng Hai hỏi lại:

-Tôi nghe ông Kissinger của anh ngày kia nói rằng Việt Nam đã chết. Ông ta có biết là chúng tôi vẫn còn sống ở đây không?

Tôi không thể trả lời. Cuối cùng thì ông Tướng nhún vai, giọng khàn đục không còn hơi. Ông nói cho tôi nghe tin tức mới nhất về cuộc điều quân của quân địch mà ông quan sát từ trên máy bay trên vùng biên giới Việt-Miên. Ngày hôm sau, 15.4.1975, tôi bay đến Sư Đoàn 7 từ sáng sớm. Như thường lệ, ông Tướng rầy rà tôi về hành động của Hoa Kỳ:

-Đâu là người bạn của Miền Nam khi Miền Nam cần? Tôi có thể gọi ai đây? Quân giặc đã đến ngưỡng cửa của chúng tôi rồi, đất nước tôi trong cơn nguy khốn tận cùng. Ai sẽ đến tiếp cứu chúng tôi?

Phía bên kia biên giới Miền, ông đã quan sát thấy quân cộng tập trung lên con số đông đảo, cơ giới và chiến cụ liên tục di chuyển đến hai mươi bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày.

-Máy bay bỏ bom của các anh đâu? Chúng ta đã trông thấy địch lộ diện, đúng là thời điểm dội lên đầu chúng. Chúng chuyển quân rầm rộ trước chiến sĩ của tôi, tôi cần giúp. Hãy giúp tôi, anh bạn CIA.

Như thường lệ, ông ngồi trên chiếc ghế gỗ nhìn tôi sau màn khói thuốc. Ngày 17.4.1975, Phnom Penh rơi vào tay Khmer Đỏ. Tôi khởi sự đến gặp Chuẩn Tướng Hai mỗi ngày. Ông Tướng cho biết quân Bắc Việt tiếp tục tập kết ngay phía bên kia biên giới, chúng đưa đến chiến xa, cầu nổi và pháo binh. Bộ đội mới, tươi rói đã đến mà ông suy đoán sẽ là nỗ lực chánh tiến đánh Sài Gòn. Đó là mục tiêu thực sự của cộng quân. Cộng quân tập trung đông đảo như vậy không phải là để tấn công Sư Đoàn 7 Bộ Binh hay chiếm lấy QL4.

Thình thoảng tôi đến thăm Chuẩn Tướng Hưng ở Cần Thơ. Ông biết rõ tình hình quân sự toàn quốc, nhưng ông vẫn bình tĩnh và vẫn thư thả đợi cái gì đến sẽ đến. Mười sáu tỉnh của vùng châu thổ chưa có thành phố nào rơi vào tay cộng quân, với một nửa dân số của Miền Nam vẫn được an toàn.

Trong cuộc gặp ngày 19.4.1975, Tướng Hai cho tôi biết có vẻ như là không có thêm quân cộng tập kết ở vùng biên giới nữa, chúng đang điều động đến các vị trí. Ông nghĩ rằng khi chúng bắt đầu dội hình với bộ đội mới vào ở gần biên giới, phía sau những đội công binh bắt cầu, với đoàn chiến xa nặng húc về phía Sài Gòn, cuộc tấn công sẽ nổ ra. Cộng quân sẽ mất bảy ngày để xuất phát từ đất Miền vượt qua vùng Đông Tháp Mười và tiến về Sài Gòn. Sư Đoàn 7 của ông Tướng chỉ có thể làm chậm tốc độ tiến quân của chúng mà thôi. Tướng Hai nói:

-Chúng tôi không thể chặn đứng chúng, quân địch quá đông mà quân chúng tôi quá ít.

Ngày 21.4.1975, Xuân Lộc, một trong những cứ điểm cuối cùng của QLVNCH ở phía Bắc Sài Gòn thất thủ (thật ra chỉ di tản theo lệnh của Trung Tướng Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn III & Quân Khu 3 về bảo vệ Sài Gòn), sau khi đã anh dũng chặn đứng đà tiến của một lực lượng lớn quân Bắc Việt. Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu cũng đã từ chức trong ngày ấy.

Tôi đáp trực thăng đến Bộ Tư Lệnh SD7BB trong ngày 22.4.1975. Phòng làm việc của ông Tướng tôi quá, ông đang ngồi trên chiếc ghế quen thuộc và hút thuốc.

-Những chiến xa nặng của Bắc Việt đang vào đội hình, bộ binh dàn trận phía sau. Chúng sắp sửa xuất phát, Sài Gòn sẽ rơi vào tay Bắc Việt trong vòng bảy ngày, 29.4.1975.

Ông Tướng đưa cao chiếc tách cà phê nóng lên, làm một cử chỉ vinh danh những người lính đã hy sinh và chào đón tương lai, nhưng ông không cười. Ý định của quân cộng thật rõ ràng đối với Chuẩn Tướng Hai. Chúng sẽ đánh lấy, chiếm được Sài Gòn trong bảy ngày nữa, mà Sư Đoàn 7 thì không thể chặn chúng lại được.

Tôi đến gặp Chuẩn Tướng Hưng buổi chiều cùng ngày. Ông cho hay từ buổi sáng sớm quân Bắc Việt đã vượt biên giới ở khu vực gần các đơn vị của Chuẩn Tướng Hai và tiến về hướng Sài Gòn. Tướng Hưng đã lệnh cho lực lượng ít ỏi Không Quân và Pháo Binh chuẩn bị chống lại cuộc tiến quân của quân địch, nhưng có lẽ cũng không làm chúng khựng lại được. Ông Tướng vẫn vẻ bình tĩnh và giữ gia đình gần bên.

James E. Parker cùng các đồng sự CIA giúp được nhiều nhân viên Việt Nam và thân nhân ở Cần Thơ thoát được ra biển trong những ngày cuối cùng và được vớt lên chiếc tàu buôn Pioneer Contender.

Đứng trên cầu tàu, tôi quay nhìn về hướng Việt Nam, bất giác tôi chợt nghĩ trong một thoáng thật rõ ràng, rằng dù chúng tôi đã thua trận, nhưng chúng tôi đã hành động đúng khi đến đó và chiến đấu. Lịch sử sẽ rộng lượng phán xét ý định tốt của chúng tôi đến giúp cứu một đất nước bị xâm lấn. Chúng tôi đã không thắng vì những chánh trị gia, những nhà hoạch định chánh sách Hoa Kỳ đã đưa ra những quyết định xấu xa đầy tội lỗi, từ lúc khởi đầu cho đến lúc tàn cuộc.

Đối với tôi, cái di sản bất tử của cuộc chiến là những người lính đã đáp lời gọi của đất nước, hy sinh thân sống ở Việt Nam. Trong thời điểm của những giá trị chao đảo, họ đã khẳng định những nguyên tắc trường cửu của Trách Nhiệm. Vì Tổ Quốc họ đã tự dấn mình trong những truyền thống Mỹ đẹp đẽ nhưt của những người lính chiến Mỹ. Họ đã chết trẻ rất Danh Dự trong chiến tranh. Mỗi người lính đều là những anh hùng.

Hướng về phía bờ biển, tôi đứng nghiêm chào đúng quân cách, chậm rãi. Tôi đứng lặng thinh trong một khoảnh khắc, rồi quay người đi xuống bên dưới. Cuộc chiến đã chấm dứt.

Chất chở hàng ngàn người tị nạn Việt Nam, con tàu Pioneer Contender nhỏ neo buổi sáng sớm hôm sau hướng mũi tàu tiến về hướng Đông. Việt Nam mờ nhạt dần từ phía sau.